

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS GIAI ĐOẠN 2026-2030
 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỊNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 8 năm 2025 của UBND xã Ba Định)

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Nhu cầu giai đoạn 2026-2030				Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Kiến cổ	Bán kiên cổ	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo
a	b	c	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8	7=11+14+17+20+23+26	8=12+15+18+21+24+27	9	13=14+15	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27
A	MẦM NON		43,0	25,0	14,0	4,0	0,0	20,0	10,0	10,0	12.400	4,0	4,0	0,0	1,0	0,0	1,0	0,0	0,0	0,0	4,0	1,0	3,0	11,0	5,0	6,0
1	Khởi phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em		23	13	8	2	0	9	4	5	8.800	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	5	1	4
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	13	8	5	0	0	5	4	1	7.000	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1	1	0
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	2	2	0	0	0	2	0	2	400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
-	Phòng giáo dục thể chất	phòng	1	1	0	0	0	1	0	1	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
-	Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	1	1	0	0	0	1	0	1	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
1.3	Sân chơi	Khu	6	1	3	2	0	0	0	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.4	Thư viện	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.5	Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Khối phòng tổ chức ăn		3	2	1	0	0	2	2	0	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
2.1	Nhà bếp	Nhà	2	1	1	0	0	1	1	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
2.2	Kho bếp	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
3	Khối phụ trợ	phòng	11	4	5	2	0	4	2	2	1.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	2	2
3.1	Phòng họp	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Phòng Y tế	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Nhà kho	Phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Sân vườn	Khu	2	0	0	2	0	2	2	0	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
3.5	Cổng, hàng rào	hạng mục	6	1	5	0	0	2	0	2	800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
4	Khối phòng hành chính quản trị		5	5	0	0	0	3	1	2	1.200	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
4.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.3	Văn phòng trưởng	phòng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.4	Phòng dành cho nhân viên	phòng	0	0	0	0	0	1	0	1	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
4.5	Phòng bảo vệ	phòng	0	0	0	0	0	1	0	1	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
4.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	0	0	0	0	0	1	1	0	500	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hạ tầng kỹ thuật		1	1	0	0	0	2	1	1	400	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	0	0	0	0	0	1	1	0	200	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	1	1	0	0	0	1	0	1	200	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	TIỂU HỌC										3.030	15	4	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Khối phòng học tập		38	34	2	2	0	11	3	8	1.740	11	3	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Phòng học	phòng	33	29	2	2	0	11	3	8	1.740	11	3	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Nhu cầu giai đoạn 2026-2030				Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Tự nhiên và xã hội	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Khối phòng hỗ trợ học tập		4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Thư viện	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Phòng truyền thống	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khối phụ trợ		14	10	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Phòng họp	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Phòng Y tế trường học	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Nhà kho	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Khu để xe học sinh	Khu	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	Khu vệ sinh học sinh	Khu	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.6	Cổng, hàng rào	hạng mục	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	4	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.8	Phòng giáo viên	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao		1	1	0	0	0	4	1	3	1.290	4	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu	1	1	0	0	0	3	0	3	90	3	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhà đa năng	Khu	0	0	0	0	0	1	1	0	1.200	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Khối phục vụ sinh hoạt		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Nhà bếp	Nhà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kho bếp	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.3	Nhà ăn	Nhà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.4	Nhà ở nội trú	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Khối phòng hành chính quản trị		7	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.3	Văn phòng	phòng	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.4	Phòng bảo vệ	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hạ tầng kỹ thuật		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	THCS										5.628,0	12,0	12,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Khối phòng học tập		4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Phòng học	phòng	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Nhu cầu giai đoạn 2026-2030				Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	0	0	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng	0	0	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng	0	0	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Khởi phòng hỗ trợ học tập		7	7	0	0	0	2	2	0	504	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Thư viện	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	4	4	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Phòng Đoàn, Đội	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Phòng truyền thống	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Khởi phụ trợ		11	11	0	0	0	6	6	0	804	6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.1	Phòng họp	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.3	Phòng y tế trường học	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.4	Nhà kho	phòng	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.5	Khu để xe học sinh	Khu	1	1	0	0	0	1	1	0	100	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.6	Khu vệ sinh học sinh	Khu	4	4	0	0	0	1	1	0	200	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	0	0	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.8	Phòng giáo viên	phòng	1	1	0	0	0	1	1	0	252	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3.9	Công, hàng rào	hạng mục	1	1	0	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao		1	1	0	0	0	2	2	0	4.000	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu	0	0	0	0	0	1	1	0	1.000	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4.2	Nhà đa năng	Khu	1	1	0	0	0	1	1	0	3.000	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Khởi phục vụ sinh hoạt		6	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.1	Nhà bếp	Nhà	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Kho bếp	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.3	Nhà ăn	Nhà	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.4	Nhà ở nội trú	Phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5.7	Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú)	Nhà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Khởi phòng hành chính quản trị		5	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.3	Văn phòng	phòng	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.4	Phòng bảo vệ	phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hạ tầng kỹ thuật		2	2	0	0	0	2	2	0	320	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	1	1	0	0	0	1	1	0	120	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	1	1	0	0	0	1	1	0	200	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

8.300
10,0 10,0

500 553

5000

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ

(Kèm

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Tổng số
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	
a	b	c	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8
A	MẦM NON							
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em							
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	4	4	0	0	0	0
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	2	2	0	0	0	0
-	Phòng giáo dục thể chất	phòng	1	1	0	0	0	0
-	Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	1	1	0	0	0	0
1.3	Sân chơi	Khu	2	0	0	2	0	2
1.4	Thư viện	phòng	0	0	0	0	0	0
1.5	Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ	phòng	0	0	0	0	0	0
2	Khối phòng tổ chức ăn							
2.1	Nhà bếp	Nhà	1	1	0	0	0	1
2.2	Kho bếp	phòng	1	1	0	0	0	1
3	Khối phụ trợ	phòng						
3.1	Phòng họp	phòng	1	1	0	0	0	0
3.2	Phòng Y tế	phòng	1	1	0	0	0	0
3.3	Nhà kho	Phòng	1	1	0	0	0	0
3.4	Sân vườn	Khu	2	0	0	2	0	2
3.5	Cổng, hàng rào	hạng mục	2	0	2	0	0	2
4	Khối phòng hành chính quản trị							
4.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0
4.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0
4.3	Văn phòng trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0

4.4	Phòng dành cho nhân viên	phòng	0	0	0	0	0	0
4.5	Phòng bảo vệ	phòng	0	0	0	0	0	0
4.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1	0	0	0	0
4.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	0	0	0	0	0	1
5	Hạ tầng kỹ thuật							
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	0	0	0	0	0	1
5.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	1	1	0	0	0	1
B	TIỂU HỌC							
1	Khối phòng học tập							
1.1	Phòng học	phòng						
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng						
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng						
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tự nhiên và xã hội	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng						
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng						
2	Khối phòng hỗ trợ học tập							
2.1	Thư viện	phòng						
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng						
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng						
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	phòng						
2.5	Phòng truyền thống	phòng						
3	Khối phụ trợ							
3.1	Phòng họp	phòng						
3.2	Phòng Y tế trường học	phòng						
3.3	Nhà kho	phòng						
3.4	Khu để xe học sinh	Khu						
3.5	Khu vệ sinh học sinh	Khu						
3.6	Cổng, hàng rào	hạng mục						
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng						
3.8	Phòng giáo viên	phòng						
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao							

4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu						
4.2	Nhà đa năng	Khu						
5	Khối phục vụ sinh hoạt							
5.1	Nhà bếp	Nhà						
5.2	Kho bếp	phòng						
5.3	Nhà ăn	Nhà						
5.4	Nhà ở nội trú	phòng						
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng						
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng						
6	Khối phòng hành chính quản trị							
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng						
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng						
6.3	Văn phòng	phòng						
6.4	Phòng bảo vệ	phòng						
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
7	Hạ tầng kỹ thuật							
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống						
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống						
C	THCS							
1	Khối phòng học tập							
1.1	Phòng học	phòng						
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng						
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng						
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng						
-	Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng						
-	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng						
2	Khối phòng hỗ trợ học tập							
2.1	Thư viện	phòng						
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng						
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng						
2.4	Phòng Đoàn, Đội	phòng						
2.5	Phòng truyền thống	phòng						

3	Khối phụ trợ							
3.1	Phòng họp	phòng						
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng						
3.3	Phòng y tế trường học	phòng						
3.4	Nhà kho	phòng						
3.5	Khu để xe học sinh	Khu						
3.6	Khu vệ sinh học sinh	Khu						
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng						
3.8	Phòng giáo viên	phòng						
3.9	Cổng, hàng rào	hạng mục						
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu						
4.2	Nhà đa năng	Khu						
5	Khối phục vụ sinh hoạt							
5.1	Nhà bếp	Nhà						
5.2	Kho bếp	phòng						
5.3	Nhà ăn	Nhà						
5.4	Nhà ở nội trú	Phòng						
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng						
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng						
5.7	Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú)	Nhà						
6	Khối phòng hành chính quản trị							
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng						
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng						
6.3	Văn phòng	phòng						
6.4	Phòng bảo vệ	phòng						
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
7	Hạ tầng kỹ thuật							
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống						
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống						

SỞ VẬT CHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS GIAI ĐOẠN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA DINH

(theo Báo cáo số/BC-..... ngày tháng năm 2025 của)

Nhu cầu giai đoạn 2026-2030			Năm 2026			Năm 2027			1
Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số
7=11+14+17+20+23+26	8=12+15+18+21+24+27	9	13=14+15	14	15	16=17+18	17	18	19=20+21
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
0	2	400,0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	200,0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	200,0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	1.000,0	2	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	500,0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	100,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	600,0	0	0	0	0	0	0	0
0	2	800,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 2

N 2026-2030

Năm 2028		Năm 2029			Năm 2030		
Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo	Tổng số	Xây dựng mới	Cải tạo
20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	2
0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	1	1	0
0	0	0	0	0	1	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	2	2	0
0	0	0	0	0	2	0	2
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH
TRƯỜNG MẦM NON BA DINH

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ

(Kèm theo B

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Tổng số
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	
a	b	c	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8
A	MẦM NON							
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em							
1.1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em	phòng	9	4	5	0	0	5
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	0					
-	Phòng giáo dục thể chất	phòng	0					
-	Phòng giáo dục nghệ thuật	phòng	0					
1.3	Sân chơi	Khu	4	1	3			
1.4	Thư viện	phòng	0					
1.5	Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ	phòng	0					
2	Khối phòng tổ chức ăn							
2.1	Nhà bếp	Nhà	1		1			
2.2	Kho bếp	phòng	0					
3	Khối phụ trợ	phòng						
3.1	Phòng họp	phòng	0					
3.2	Phòng Y tế	phòng	0					
3.3	Nhà kho	Phòng	1					
3.4	Sân vườn	Khu	0					
3.5	Cổng, hàng rào	hạng mục	4	1	3			
4	Khối phòng hành chính quản trị							
4.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	0					
4.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	0					

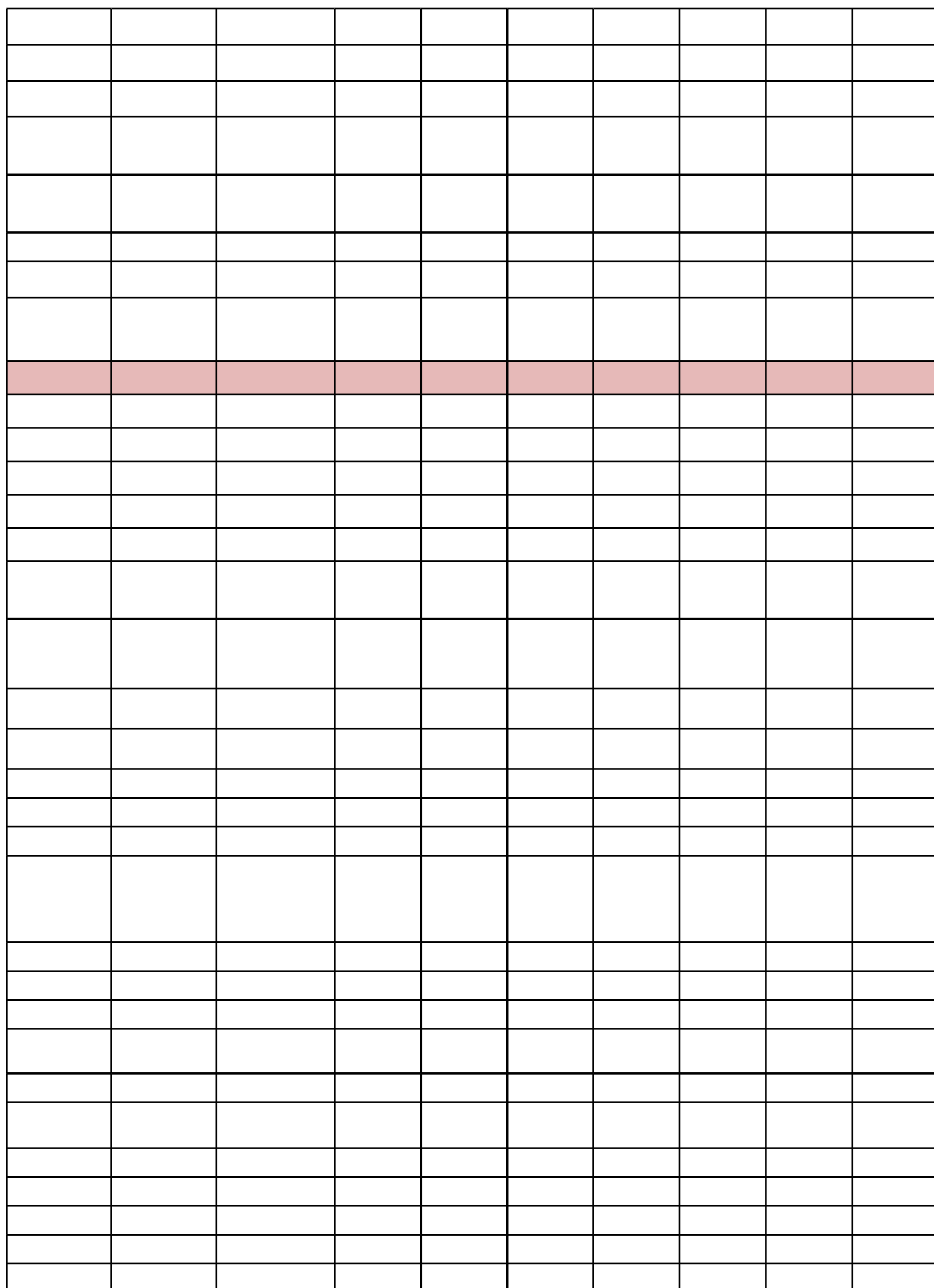
4.3	Văn phòng trường	phòng	1	1				
4.4	Phòng dành cho nhân viên	phòng	0					
4.5	Phòng bảo vệ	phòng	0					
4.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	0					
4.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	0					
5	Hạ tầng kỹ thuật							
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	4					
5.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	4					
B	TIỂU HỌC							
1	Khối phòng học tập							
1.1	Phòng học	phòng						
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng						
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng						
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tự nhiên và xã hội	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng						
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng						
2	Khối phòng hỗ trợ học tập							
2.1	Thư viện	phòng						
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng						
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng						
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	phòng						
2.5	Phòng truyền thống	phòng						
3	Khối phụ trợ							
3.1	Phòng họp	phòng						
3.2	Phòng Y tế trường học	phòng						
3.3	Nhà kho	phòng						
3.4	Khu để xe học sinh	Khu						
3.5	Khu vệ sinh học sinh	Khu						
3.6	Cổng, hàng rào	hạng mục						
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng						
3.8	Phòng giáo viên	phòng						

4	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu						
4.2	Nhà đa năng	Khu						
5	Khối phục vụ sinh hoạt							
5.1	Nhà bếp	Nhà						
5.2	Kho bếp	phòng						
5.3	Nhà ăn	Nhà						
5.4	Nhà ở nội trú	phòng						
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng						
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng						
6	Khối phòng hành chính quản trị							
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng						
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng						
6.3	Văn phòng	phòng						
6.4	Phòng bảo vệ	phòng						
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
7	Hạ tầng kỹ thuật							
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống						
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống						
C	THCS							
1	Khối phòng học tập							
1.1	Phòng học	phòng						
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng						
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng						
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng						
-	Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng						
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng						
-	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng						
-	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng						
2	Khối phòng hỗ trợ học tập							
2.1	Thư viện	phòng						
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng						
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng						

2.4	Phòng Đoàn, Đội	phòng						
2.5	Phòng truyền thống	phòng						
3	Khối phụ trợ							
3.1	Phòng họp	phòng						
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng						
3.3	Phòng y tế trường học	phòng						
3.4	Nhà kho	phòng						
3.5	Khu để xe học sinh	Khu						
3.6	Khu vệ sinh học sinh	Khu						
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng						
3.8	Phòng giáo viên	phòng						
3.9	Cổng, hàng rào	hạng mục						
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu						
4.2	Nhà đa năng	Khu						
5	Khối phục vụ sinh hoạt							
5.1	Nhà bếp	Nhà						
5.2	Kho bếp	phòng						
5.3	Nhà ăn	Nhà						
5.4	Nhà ở nội trú	Phòng						
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng						
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng						
5.7	Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú)	Nhà						
6	Khối phòng hành chính quản trị							
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng						
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng						
6.3	Văn phòng	phòng						
6.4	Phòng bảo vệ	phòng						
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu						
7	Hạ tầng kỹ thuật							
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống						
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống						

Báo cáo số /BC-MNBD ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Trường MN Ba Đình)

[illegible]



[illegible]

[illegible]

Phụ lục 2

AN 2026-2030

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN BA DINH

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Kèm theo Báo cáo số 44/BC-THCSBD ngày 22 tháng 8 năm 2019)

[illegible]

2,3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng										
2,4	Phòng Đối Thiếu niên	phòng										
2,5	Phòng truyền thông	phòng										
3	Khối phụ trợ											
3,1	Phòng họp	phòng										
3,2	Phòng Y tế trường học	phòng										
3,3	Nhà kho	phòng										
3,4	Khu để xe học sinh	Khu										
3,5	Khu vệ sinh học sinh	Khu										
3,6	Cổng, hàng rào	hàng mục										
3,7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng										
3,8	Phòng giáo viên	phòng										
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao											
4,1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu										
4,2	Nhà đa năng	Khu										
5	Khối phục vụ sinh hoạt											
5,1	Nhà bếp	Nhà										
5,2	Kho bếp	phòng										
5,3	Nhà ăn	Nhà										
5,4	Nhà ở nội trú	phòng										
5,5	Phòng quản lý học sinh	phòng										
5,6	Phòng sinh hoạt chung	phòng										
6	Khối phòng hành chính quản trị											
6,1	Phòng Hiệu trưởng	phòng										
6,2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng										
6,3	Văn phòng	phòng										
6,4	Phòng bảo vệ	phòng										
6,5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu										
6,6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu										
7	Hạ tầng kỹ thuật											
7,1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống										
7,2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống										
C	THCS											
1	Khối phòng học tập											
1,1	Phòng học	phòng	14									
1,2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng										
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	0				1			252.000.000	1	
-	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	0				1			252.000.000	1	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập											1
2,1	Thư viện	phòng	0				1			252.000.000	1	
2,2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	0				1			252.000.000	1	
2,3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	1				0					0
2,4	Phòng Đoàn, Đội	phòng	1				0					0
2,5	Phòng truyền thông	phòng	1				0					0
3	Khối phụ trợ											
3,1	Phòng họp	phòng	1				0					0
3,2	Phòng các tổ chuyên môn	phòng	2				0					0
3,3	Phòng y tế trường học	phòng	1				0					0
3,4	Nhà kho	phòng	0				1					1
3,5	Khu để xe học sinh	Khu	1				1			100.000.000	1	
3,6	Khu vệ sinh học sinh	Khu	1				1			200.000.000	1	
3,7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	0				1			252.000.000	1	
3,8	Phòng giáo viên	phòng	0				1			252.000.000	1	

[illegible]

IN, TIỂU HỌC VÀ THCS GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN BA DINH

2025 của Trường THCS Ba Dinh - Ba Tô)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS BA GIANG

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ THCS GL
(Kèm theo Báo cáo số 243/BC-TH&THCS ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Trường PTDTBT)

[illegible]

[illegible]

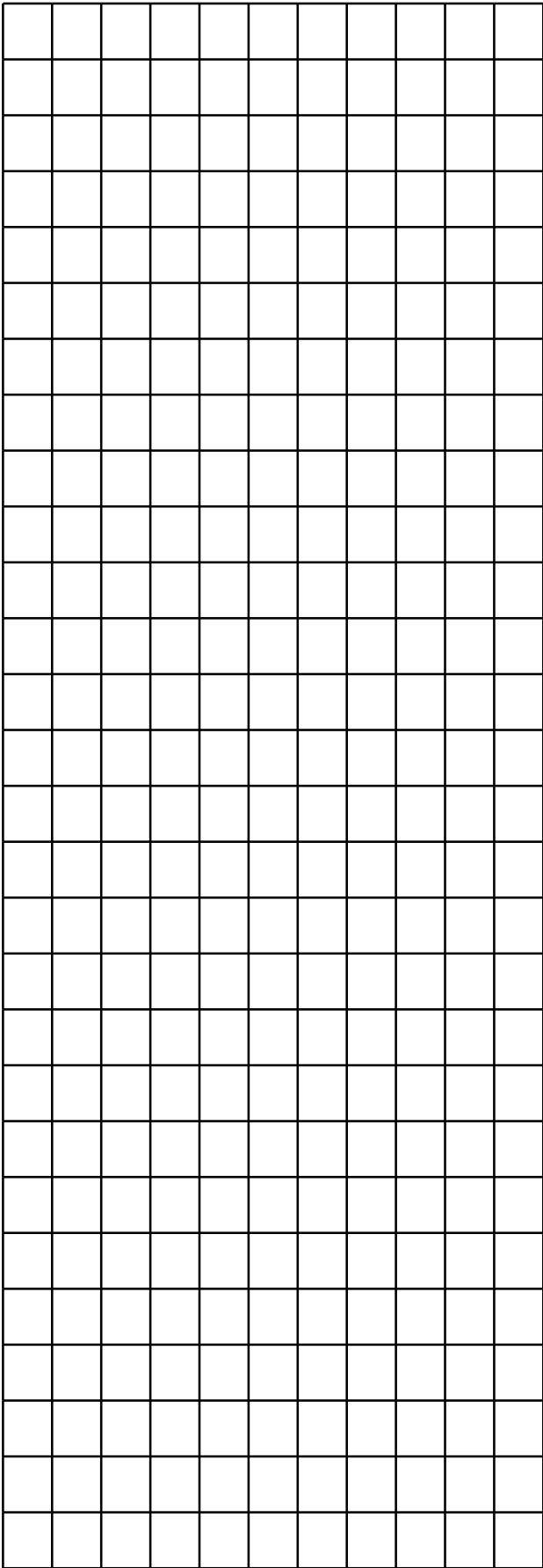
[illegible]

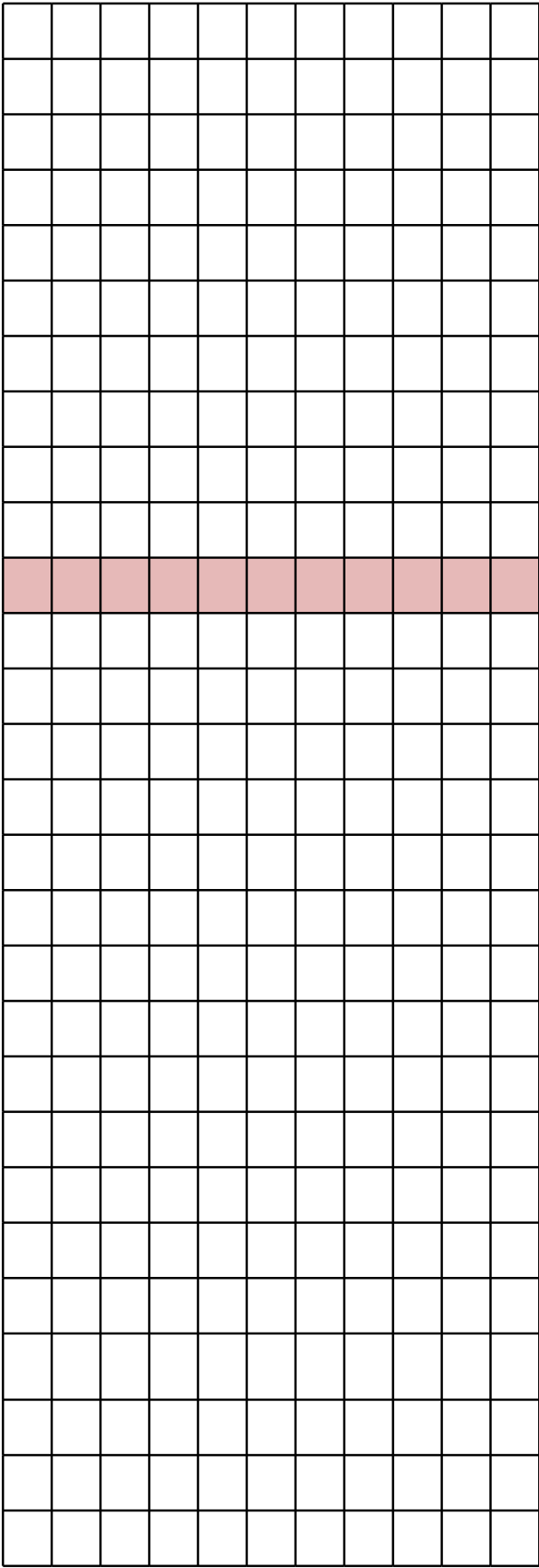
[illegible]

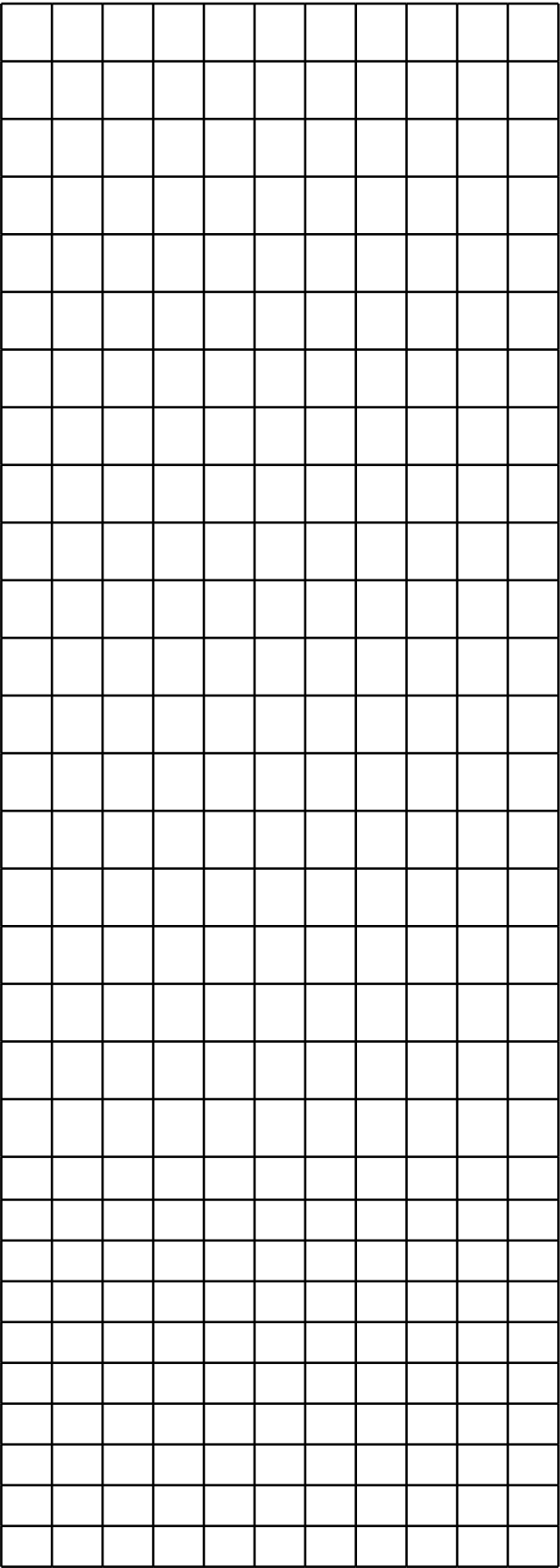
PHỤ LỤC 2

AI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA DINH
(*TH&THCS Ba Giang*)

[illegible]







ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BA DINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC BA DINH

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo)

STT	Hiện trạng và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Hiện trạng					Tổng số
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	
a	b	c	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8
B	TIỂU HỌC			44	2	4	0	15
1	Khối phòng học tập		28	24	2	2	0	11
1.1	Phòng học	phòng	23	19	2	2		11
1.2	Phòng học bộ môn, trong đó:	phòng	5	5				
-	Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	1	1				
-	Phòng học bộ Môn Mỹ thuật	phòng	1	1				
-	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	phòng	1	1				
-	Phòng học bộ môn Tự nhiên và xã hội	phòng	0					
-	Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1				
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	1				
2	Khối phòng hỗ trợ học tập		4	4				
2.1	Thư viện	phòng	1	1				
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1				
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	1	1				
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	phòng	0					
2.5	Phòng truyền thống	phòng	1	1				
3	Khối phụ trợ		10	8	0	2	0	
3.1	Phòng họp	phòng	1	1				
3.2	Phòng Y tế trường học	phòng	1	1				
3.3	Nhà kho	phòng	0					
3.4	Khu để xe học sinh	Khu	2			2		
3.5	Khu vệ sinh học sinh	Khu	3	3				
3.6	Cổng, hàng rào	hạng mục	1	1				
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	phòng	2	2				

3.8	Phòng giáo viên	phòng	0					
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao		1	1	0	0	0	4
4.1	Khu sân chơi, thể dục thể thao	Khu	1	1				3
4.2	Nhà đa năng	Khu	0					1
5	Khối phục vụ sinh hoạt							
5.1	Nhà bếp	Nhà						
5.2	Kho bếp	phòng						
5.3	Nhà ăn	Nhà						
5.4	Nhà ở nội trú	phòng						
5.5	Phòng quản lý học sinh	phòng						
5.6	Phòng sinh hoạt chung	phòng						
6	Khối phòng hành chính quản trị		7	7	0	0	0	
6.1	Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1				
6.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1				
6.3	Văn phòng	phòng	3	3				
6.4	Phòng bảo vệ	phòng	0	0				
6.5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1				
6.6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	Khu	1	1				
7	Hạ tầng kỹ thuật		0					
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Hệ thống	0					
7.2	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Hệ thống	0					

o cáo số 136/BC-THBD ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Trường Tiểu học Ba Đình)

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 2

AN 2026-2030

[illegible]

[illegible]